

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05/12/2025.

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
gia đình ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:

Bà Lê Thị Huê.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phú Hữu.

Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 05 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 221/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị Ph, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 92, khóm Mỹ Th, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 92, khóm Mỹ Th, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Phạm Thị Ph và ông Nguyễn Văn T đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại phiên phiên toà, nguyên đơn bà Phạm Thị Ph trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ph và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng sống chung từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 28/9/2004.

Trong thời gian vợ chồng sống chung ông T thường xuyên đi đánh bạc, uống rượu, chơi đá gà về nhà chửi mắng, đánh bà Ph. Vào năm 2006, bà Phường có gửi đơn thưa ông Tâm đến Ủy ban nhân dân Phường 3 và được Ủy ban nhân dân Phường 3 giải quyết, ông T cũng hứa khắc phục thay đổi nhưng vẫn không thay đổi.

Do không thể chịu được nên năm 2010, bà Ph có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T nhưng qua hoà giải thì ông T cam kết sửa đổi tính tình nên bà Ph đã rút lại đơn khởi kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, sau đó ông T không sửa đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà Ph và ông T không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Bà Ph nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/6/1998 và Nguyễn Thị Cẩm G, sinh ngày 06/11/2003. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Tại phiên phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T thống nhất lời trình bày của bà Phạm Thị Ph về thời gian kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, ông T thừa nhận có thường xuyên đi uống rượu, chơi đá gà, có đánh bà T và vào năm 2006 có bị Ủy ban nhân dân Phường 3 giải quyết. Đến năm 2010, bà Ph nộp đơn ly hôn, ông T cũng đã hứa thay đổi nhưng sau ông T vẫn đi chơi đá gà, uống rượu. Ông T và bà Ph không còn chung sống với nhau 03 năm nay. Từ khi bà Ph bỏ nhà đi thì ông T mới thay đổi, ông T có đi tìm bà Ph nhưng không tìm được bà Ph. Trong thời gian 03 năm nay giữa ông T và bà Ph không có gặp nhau.

Nay ông T vẫn còn tình cảm với bà Ph và mong bà Ph về sống chung lại với ông T nên ông T không đồng ý ly hôn với bà Ph.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/6/1998 và Nguyễn Thị Cẩm G, sinh ngày 06/11/2003. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Ph và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có địa chỉ tại Tổ 92, khóm Mỹ Th, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Bà Ph và ông T kết hôn với nhau vào năm 2004 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 28/9/2004 là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của bà Ph thì vợ chồng sống chung không có hạnh phúc, ông T không quan tâm đến gia đình thường xuyên đi uống rượu, chơi đá gà. Bà Ph và ông T không còn chung sống với nhau 03 năm nay và bà Ph cũng đã cho ông T nhiều lần sửa đổi nhưng ông T vẫn không thay đổi. Đồng thời, ông T cũng thừa nhận ông T có thường xuyên đi uống rượu, chơi đá gà và vào năm 2006 bà Ph có thưa ông T đến Ủy ban nhân dân Phường 3, ông T có hứa thay đổi nhưng ông T vẫn không thay đổi. Ngoài ra, vào năm 2010 bà Ph cũng có nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T nhưng do ông T cũng hứa thay đổi, bà Ph cũng đã cho ông T cơ hội và đã rút lại đơn khởi kiện. Nhưng sau đó, ông T vẫn không thay đổi thường xuyên đi uống rượu, chơi đá gà, không quan tâm đến gia đình. Mặt khác, giữa bà Ph và ông T cũng không còn chung sống với nhau 03 năm nay.

Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy hôn nhân giữa bà Ph và ông T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn tình cảm được nữa. Do đó, bà Ph yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/6/1998 và Nguyễn Thị Cẩm G, sinh ngày 06/11/2003. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Ph và ông T trình bày không có nợ chung và cũng không có ai nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ph phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ph. Bà Phạm Thị Ph được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/6/1998 và Nguyễn Thị Cẩm G, sinh ngày 06/11/2003. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Ph đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003553 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Bà Phạm Thị Ph đã nộp xong tiền án phí.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Bà Phạm Thị Ph và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng THADS KV6 – ĐT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Huế

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thơm

“Để thi hành”

TP. Cao Lãnh, ngày 00 tháng 00 năm 2017
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Nơi nhận:

- THADS TP CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thơm

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSNDTPCL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Thơm